

BẢO VỆ DI SẢN VĂN HÓA CÁC TỘC NGƯỜI THIỂU SỐ: CHÍNH SÁCH VÀ TÂM NHÌN KHẮNG ĐỊNH SỰ THỐNG NHẤT TRONG ĐA DẠNG VĂN HÓA CỦA VIỆT NAM

Nguyễn Thị Thu Trang

Dẫn nhập

Việt Nam là quốc gia đa dân tộc, với 54 tộc người anh em, trong đó có 53 tộc người thiểu số, chiếm 14.118.232 người (14,7% dân số cả nước)⁽¹⁾, cư trú thành cộng đồng ở 51 tỉnh, thành phố, 548 huyện, 5266 đơn vị hành chính cấp xã, với 382 xã biên giới (tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia). Địa bàn của họ chủ yếu ở vùng Tây Bắc, Đông Bắc, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và Tây Duyên hải miền Trung (3/4 diện tích của cả nước), hầu hết thuộc khu vực vùng núi cao, vùng sâu, vùng xa, biên giới, có vị trí chiến lược đặc biệt về chính trị, kinh tế, an ninh quốc phòng và về bảo vệ môi trường sinh thái.

Do sự phát triển không đồng đều về quy mô dân số cũng như điều kiện sống, đời sống đồng bào các tộc người thiểu số đã và đang còn gặp rất nhiều khó khăn, trong đó, phải kể đến điều kiện tự nhiên khắc nghiệt, địa hình hiểm trở, bị chia cắt lớn; dân cư sống phân tán; cơ sở hạ tầng còn lạc hậu, kinh tế chậm phát triển... Cùng với những tiêu cực của xu thế hội nhập và phát triển, nhiều luồng văn hoá khác nhau xâm nhập vào đời sống xã hội ở vùng tộc người thiểu số, gây tác động mạnh đến văn hoá truyền thống của các vùng này, đáng chú ý là nguy cơ bị phai mờ bản sắc dân tộc.

Mặt khác, tuy những chủ trương chính sách phát triển văn hóa dân tộc thiểu số của Đảng, Nhà nước được các cấp, các ngành cụ thể hóa thông qua các chương trình hành động, song do nhiều nguyên nhân nên chưa nhất quán, chưa thực sự hiệu quả: Kho tàng di sản văn hóa của các dân tộc vẫn trong tình trạng bị mai một, thậm

chí nhiều truyền thống văn hóa có nguy cơ biến mất do quan điểm bảo vệ chưa thích hợp, hoạt động của hệ thống thiết chế văn hóa, thể thao các cấp phục vụ đồng bào tộc người thiểu số vẫn trong tình trạng thiếu về cơ sở vật chất, nội dung hoạt động chưa đáp ứng đúng nhu cầu của đồng bào, một số công trình kiến trúc của làng, bản, buôn đang bị bê tông hóa dẫn tới phá vỡ cảnh quan sinh thái - nhân văn và môi trường (diễn xướng) văn hóa, nhiều di sản văn hóa khó/không thể giữ gìn và phát huy giá trị do không được kế thừa, trao truyền và do sự thu hẹp không gian thực hành, phong trào văn hóa quần chúng nhiều khi mang tính hình thức, chiếu lệ...

Vì thế, bên cạnh việc xây dựng hệ thống cơ chế chính sách và văn bản pháp luật phù hợp thì rất cần sự nhất quán trong nhận thức và sự đồng bộ trong triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đối với việc bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa truyền thống tiêu biểu, phát triển đời sống văn hóa trong cộng đồng các dân tộc Việt Nam, như tinh thần Nghị quyết Trung ương 9 (khóa XI) đã khẳng định: “Văn hóa phải được đặt ngang hàng với kinh tế, chính trị, xã hội”⁽²⁾.

1. Chính sách bảo vệ di sản văn hóa của các tộc người thiểu số

Văn hoá các tộc người thiểu số ở Việt Nam là một bộ phận cấu thành của nền văn hoá Việt Nam đa dạng, phong phú, đậm đà bản sắc. Chúng ta ngày một nhận thức sâu sắc hơn về tầm quan trọng của di sản văn hóa nói chung và di sản của các dân tộc thiểu số như “động lực chính của đa dạng văn hóa là một sự đảm bảo cho

phát triển bền vững⁽³⁾ của nhân loại. Cùng với đó, việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật cũng là một quá trình cần từng bước hoàn thiện theo nhận thức khoa học và cần thích ứng với yêu cầu thực tế của đời sống cộng đồng tộc người thiểu số.

Xác định việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để xây dựng nền văn hóa thống nhất và đa dạng của cộng đồng 54 tộc người chung sống trên lãnh thổ Việt Nam, Đảng và Nhà nước ta luôn có những chủ trương, chính sách nhằm ưu tiên, phát triển vùng dân tộc thiểu số và miền núi trong từng giai đoạn phát triển bền vững đất nước:

- Nghị quyết 24-NQ/TW ngày 12 tháng 03 năm 2003 về công tác dân tộc của Ban Chấp hành Trung ương Đảng, khóa IX, Hội nghị lần thứ 7, trong đó xác định rõ quan điểm: *“Phát triển toàn diện chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và an ninh - quốc phòng trên địa bàn vùng dân tộc và miền núi; gắn tăng trưởng kinh tế với giải quyết các vấn đề xã hội, thực hiện tốt chính sách dân tộc; quan tâm phát triển, bồi dưỡng nguồn nhân lực; chăm lo xây dựng đội ngũ cán bộ dân tộc thiểu số; giữ gìn và phát huy những giá trị, bản sắc văn hóa truyền thống các dân tộc thiểu số trong sự nghiệp phát triển chung của cộng đồng dân tộc Việt Nam thống nhất...”*;

- Chiến lược Phát triển văn hóa đến năm 2020 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt năm 2009 xác định việc *“Giữ gìn bản sắc và sự đa dạng của văn hóa các dân tộc là vấn đề có ý nghĩa chính trị xã hội to lớn của kỷ nguyên toàn cầu hóa...”*.

- Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc đã cụ thể hóa các quan điểm, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước về công tác dân tộc: *“Hỗ trợ việc sưu tầm, nghiên cứu, bảo vệ, bảo tồn và phát huy những giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của các dân tộc thiểu số trong cộng đồng dân tộc Việt Nam; Các dân tộc thiểu số có trách nhiệm gìn giữ văn hóa truyền thống tốt đẹp, tiếng nói, chữ viết của dân tộc mình phù hợp với pháp luật; hỗ trợ xây dựng, khai thác*

sử dụng có hiệu quả hệ thống thiết chế văn hóa cơ sở ở vùng đồng bào dân tộc thiểu số..., nhằm thực hiện mục tiêu “Xây dựng nền văn hóa và con người Việt Nam phát triển toàn diện, hướng đến chân - thiện - mỹ, thấm nhuần tinh thần dân tộc, nhân văn, dân chủ và khoa học”.

- Nghị quyết số 33-NQ/TW ngày 09 tháng 06 năm 2014 của Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước: *“Văn hóa thực sự trở thành nền tảng tinh thần vững chắc của xã hội, là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững và bảo vệ vững chắc Tổ quốc vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh... Giữ gìn và phát huy di sản văn hóa các dân tộc thiểu số, nhất là tiếng nói, chữ viết, trang phục truyền thống các dân tộc thiểu số...”*.

- Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030 và Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030,...

Về cơ bản, chủ trương, đường lối của Đảng và Nhà nước đã tạo đà cho sự đầu tư về nhân lực, vật lực và là cơ sở để đẩy mạnh việc bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa của các tộc người thiểu số ở Việt Nam. Tuy nhiên, một số cơ chế, chính sách chưa phù hợp với yêu cầu thực tiễn của cộng đồng, sự phối hợp để triển khai, thực hiện các chính sách chưa thống nhất, kinh phí phân bổ và đầu tư chưa được sử dụng hiệu quả... nên phần lớn vùng đồng bào dân tộc người thiểu số vẫn thiếu thốn, lạc hậu hoặc có phát triển thì không đồng đều. Thêm vào đó, việc xây dựng, hoàn thiện quy hoạch phát triển công tác văn hóa vùng này lại thiếu vắng vai trò chủ thể văn hóa của đồng bào các tộc

người thiểu số, việc phát huy và quảng bá tiềm năng văn hóa, du lịch địa phương cũng chưa có sự nhận thức đầy đủ, sự hiểu biết trước và sự đồng thuận của cộng đồng chủ thể văn hóa, nên hiệu quả mang lại chưa thực sự chạm tới mong cầu và nguyện vọng của đồng bào đối với việc hưởng thụ văn hóa và hưởng lợi từ sáng tạo văn hóa của chính họ.

2. Thực trạng bảo vệ di sản văn hóa của các tộc người thiểu số

Trong hơn 20 năm thực hiện Nghị quyết TW 5 (khóa VIII) của Đảng, việc nhận diện thực trạng bảo vệ, phát huy di sản văn hóa của các tộc người thiểu số cần được nhìn nhận qua đời sống văn hoá của đồng bào, cụ thể hơn là qua các di sản văn hóa vật thể và phi vật thể

2.1. Thực trạng bảo tồn và phát huy giá trị di sản văn hóa vật thể và phi vật thể

Tính đến hết năm 2019, trên cả nước (63 tỉnh/thành phố) đã xếp hạng được 3.451 di tích quốc gia, trong đó có 112 di tích quốc gia đặc biệt bao gồm cả 69 di tích liên quan đến đồng bào thiểu số và miền núi ở 39/63 tỉnh/thành phố. Một số di tích trở thành điểm tham quan du lịch quan trọng như: khu di tích Mỹ Sơn, khu di tích Cát Tiên... Việc tu bổ, tôn tạo và phát huy hợp lý làm cho nhiều di tích trở thành sản phẩm văn hoá đặc thù, phục vụ thiết thực nhu cầu sinh hoạt văn hoá cộng đồng và thu hút khách du lịch trong và ngoài nước, tạo được nguồn thu tại các di tích và tạo ra nhiều việc làm cho cư dân địa phương.

Việc bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa phi vật thể của các tộc người thiểu số được cụ thể hóa bằng những hoạt động chuyên môn nghiệp vụ. Trong số 13 di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO ghi danh có 03 di sản của các tộc người thiểu số (Không gian văn hóa Cồng chiêng Tây Nguyên, Nghi lễ và trò chơi Kéo co, Thực hành Then của người Tày, Nùng, Thái). Trong số 364 di sản văn hóa phi vật thể đã được đưa vào Danh mục di sản văn hóa phi vật thể quốc gia⁽⁴⁾ (số liệu cập nhật đến 10/2020), có hơn 57% tương đương 178 di sản văn hóa phi vật thể của các dân tộc thiểu số. Đã có 24/66 cá nhân được Chủ tịch Nước ký Quyết định phong tặng

đanh hiệu “Nghệ nhân nhân dân” và 535/1121 cá nhân được phong tặng danh hiệu “Nghệ nhân ưu tú” là người dân tộc thiểu số thuộc 37/63 tỉnh, thành phố.

Cũng cần phải thấy trên thực tế, rất ít địa phương xây dựng được đề án hoàn chỉnh về lưu giữ, bảo tồn, phát huy và giảng dạy tiếng của tộc người thiểu số cũng như duy trì các tập quán xã hội và tín ngưỡng (Theo thống kê của Vụ Văn hóa dân tộc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch, cho đến nay, có 322/1.518 tập quán có nguy cơ mai một và 6 tập quán đã mất; 228/1.250 lễ hội có nguy cơ mai một và 12 lễ hội đã mất).

Một mặt, những hoạt động như “Ngày Văn hóa các dân tộc Việt Nam”, các dự án bảo tồn, phát huy văn hoá truyền thống hay dự án điều tra, sưu tầm, phục dựng bảo tồn và phát huy lễ hội và các lớp truyền dạy văn hóa truyền thống các tộc người thiểu số (có số dân rất ít) được các nghệ nhân trực tiếp truyền dạy cho thế hệ trẻ... đã có sức lan tỏa mạnh mẽ đối với đồng bào trong việc nâng cao ý thức tự giác giữ gìn, bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của tộc người mình, góp phần tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội, đảm bảo an ninh quốc phòng...

Mặt khác, vì chưa chú ý phát huy vai trò của già làng, trưởng bản, những người có uy tín và các nghệ nhân tham gia vào các hoạt động bảo tồn và phát huy mà nhiều di sản văn hóa được phục dựng, tôn tạo tùy tiện, trở nên xa lạ với đồng bào. Cơ chế chính sách chưa được áp dụng phù hợp hoặc chưa được xây dựng đồng bộ ở nhiều địa phương như: chính sách, biện pháp hữu hiệu trong việc dạy và học chữ, học tiếng đối với học sinh các dân tộc thiểu số; chính sách đãi ngộ và hỗ trợ, khuyến khích nghệ nhân nhân dân, nghệ nhân ưu tú tham gia vào hoạt động truyền dạy, giữ gìn bản sắc văn hóa truyền thống của tộc người thiểu số; chính sách đối với người làm công tác quản lý văn hóa ở cơ sở..., nên chưa đáp ứng yêu cầu thực tế.

Thêm vào đó, nguồn nhân lực tham gia công tác bảo tồn và phát huy di sản văn hóa các tộc người thiểu số thực sự chưa đáp ứng yêu cầu thực tế: chủ thể di sản là những nghệ nhân,

người có uy tín trong cộng đồng ngày càng ít dần khi chưa có đủ lực lượng kế cận; còn khách thể là các cán bộ quản lý và làm công tác văn hoá vùng đồng bào thiểu số cũng hạn chế về năng lực trong khi hoạt động đào tạo, bồi dưỡng chưa kịp “ngấm”, đã được luân chuyển nhiệm vụ khác.

2.2. Thực trạng bảo tồn làng, bản, buôn truyền thống

Nằm trong khuôn khổ “Dự án bảo tồn, phát huy giá trị làng truyền thống các dân tộc thiểu số” với mục đích tạo nên mô hình hiệu quả, thiết thực, đem lại lợi ích trên nhiều mặt của đời sống kinh tế - xã hội, văn hóa tại vùng đồng bào thiểu số trên cả nước, thống kê của Vụ Văn hóa dân tộc (Bộ VH-TT-DL) cho thấy đã có hơn 30 làng/bản/buôn của hơn 20 tộc người (X’tiêng, Chăm, Ba Na, K’ho, Mơ Nông, Ê Đê, Vân Kiều, Khơ Mú, Mường, Thái, H’mông, Lô Lô, Tày, Dao, Khơ Me, Gia Rai, Mạ, Bô Y và H’rê...) thuộc 25 tỉnh được hỗ trợ đầu tư bảo tồn gắn với phát triển du lịch, nhằm khai thác tiềm năng từ văn hoá truyền thống tộc người, từ đó nhân rộng, phát triển để xây dựng các làng văn hoá, điểm văn hoá du lịch, tạo đà chuyển dịch cơ cấu kinh tế, đẩy mạnh tốc độ xóa đói, giảm nghèo cho đồng bào ở địa bàn vùng tộc người thiểu số.

Tuy nhiên, số lượng làng, bản/buôn được đầu tư hỗ trợ còn ít so với nhu cầu thực tế tại các địa phương. Đến nay, qua khảo sát đã có 1.566 làng/bản/buôn truyền thống của các tộc người thiểu số trên cả nước được bảo tồn, trong đó 1.470 làng/bản/buôn đang được duy trì bảo tồn; 96 làng/bản/buôn có nguy cơ bị phá vỡ cảnh quan truyền thống, bị xuống cấp về cấu trúc...

2.3. Thực trạng các hoạt động mang tính phong trào để duy trì và phát huy nghệ thuật trình diễn dân gian

Việc triển khai hỗ trợ xây dựng, tổ chức phong trào văn hóa, văn nghệ vùng đồng bào thiểu số mang tính chất động viên các tộc người thiểu số phát huy truyền thống đại đoàn kết dân tộc, lao động sản xuất để xóa đói, giảm nghèo và phát triển bền vững cộng đồng. Theo số liệu thống kê, vùng dân tộc thiểu số và miền núi có khoảng 80.988 thôn và hầu hết các thôn (làng/

bản/ấp) đều có câu lạc bộ văn hóa/văn nghệ dân gian. Cho dù đâu đó còn chưa thật sự rạch ròi giữa nội dung bảo vệ các di sản văn hóa phi vật thể giữa loại hình nghệ thuật trình diễn dân gian với trình diễn văn nghệ quần chúng, song ít nhiều, những câu lạc bộ này cũng trở thành những điểm sinh hoạt văn hóa của đồng bào với sự dẫn dắt, điều hành của các già làng, trưởng bản, nghệ nhân và người có uy tín trong cộng đồng.

Cùng mục tiêu duy trì, bảo tồn những trò diễn dân gian đặc sắc của dân tộc ít người song ứng xử với biểu hiện văn hóa này nhìn từ nhiều góc độ cũng sẽ thấy những mâu thuẫn. Các trò diễn thường được thực hành trong các lễ hội truyền thống của tộc người thiểu số (Tung còn, Ném pao, Đánh đồng la, Đi cầu nổi, Cờ ốc, Đua ghe, Đua bò,...) lại cũng được đưa vào các sự kiện văn hóa (Ngày hội văn hóa hay Ngày hội văn hóa - thể thao...) cùng với các trò chơi thể thao hiện đại và mang tính chất thi đấu chứ không còn tính chất “nghỉ lễ”. Vì vậy, một mặt việc tổ chức các trò diễn truyền thống tại các sự kiện văn hóa như trò chơi thể thao đã làm cho đồng bào hào hứng luyện tập và tham gia, tạo sản phẩm phục vụ phát triển du lịch tại các địa phương, song ở phương diện khác, “sân chơi” này đã làm biến dạng di sản văn hóa và làm cho cộng đồng hiểu và thực hành không đúng di sản - trò diễn dân gian của cộng đồng mình.

2.4. Thực trạng bảo vệ di sản gắn với phát triển du lịch vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi

Hiện nay, nhiều vùng của tộc người thiểu số và miền núi còn giữ được cảnh quan thiên nhiên đẹp và khá toàn vẹn, truyền thống văn hóa được xem là nguồn tài nguyên có giá trị cao đối với du lịch, đặc biệt là du lịch sinh thái, du lịch văn hóa và du lịch cộng đồng. Tuy nhiên, cũng do là vùng xa xôi với địa hình hiểm trở nên cơ sở hạ tầng, đặc biệt là giao thông tiếp cận vùng tộc người thiểu số khá hạn chế, dẫn đến giảm cơ hội phát triển kinh tế xã hội nói chung, cơ hội phát triển du lịch nói riêng. Ở một số cộng đồng thiểu số, di sản thiên nhiên kết hợp với di sản văn

hóa đã được khai thác phát triển thành các sản phẩm du lịch cộng đồng, khám phá và du lịch sinh thái hấp dẫn du khách như ở một số huyện Đồng Văn, Quản Bạ, Hoàng Su Phì (Hà Giang), Mường Khương, Bát Xát (Lào Cai), Phong Thổ (Lai Châu), Yên Châu, Mộc Châu (Sơn La), Bó Trách (Quảng Bình), A Lưới (Thừa Thiên Huế), Buôn Đôn (Đắk Lắk), Châu Đốc, Tịnh Biên (An Giang). Nhờ du lịch cộng đồng phát triển mà các ngành nghề thủ công (dệt thổ cẩm, chạm khắc bạc, làm đồ lưu niệm...) và dịch vụ phục vụ du lịch cũng tạo hàng nghìn việc làm cho người dân (ở Lào Cai, các điểm du lịch cộng đồng đã giải quyết việc làm cho hơn 2.000 lao động). Du lịch cộng đồng bước đầu đã đem lại những kết quả tích cực, đóng góp không nhỏ vào công tác xóa đói, giảm nghèo, tạo nguồn thu nhập cho người dân vùng tộc người thiểu số và góp phần không nhỏ vào sự tăng trưởng kinh tế chung của đất nước.

Tuy nhiên, hầu hết cơ quan quản lý di sản văn hóa ở các khu vực này và các doanh nghiệp kinh doanh du lịch chưa thực hiện cơ chế giám sát, ngăn chặn những tác động tiêu cực của du lịch tới các yêu cầu bảo tồn nguyên trạng di sản, như: Khả năng gây ô nhiễm môi trường, cách thức khai thác và sử dụng di sản không phù hợp, dẫn tới biến dạng di tích, đặc biệt là khả năng làm thay đổi bản sắc văn hóa của các tộc người thiểu số, sự bất bình đẳng trong phân bổ nguồn lợi từ du lịch cũng như khả năng gây ra sự phân ứng không tích cực từ phía cộng đồng cư dân địa phương.

3. Bảo vệ tính thống nhất trong đa dạng văn hóa - bảo vệ di sản văn hóa quý giá nhất của cộng đồng dân tộc Việt Nam

Đa dạng văn hóa là khái niệm khoa học dùng để chỉ sự cùng tồn tại của nhiều nền văn hóa khác nhau ở các vùng văn hóa, cộng đồng các dân tộc, quốc gia nói riêng và toàn thể nhân loại nói chung. Bàn về bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào thiểu số nhất thiết phải hiểu rõ các Công ước có liên quan với tư cách là những công cụ pháp lý quốc tế mà các quốc gia thành viên có trách nhiệm phải tuân thủ.

Công ước về Bảo vệ và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa (Công ước 2005) đã khẳng định “Đa dạng văn hóa là một đặc tính của nhân loại” và nhấn mạnh “Đa dạng văn hóa là tài sản chung của nhân loại, cần được tôn vinh và bảo vệ vì lợi ích của tất cả mọi người”⁽⁵⁾.

Công ước về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể (Công ước 2003) của UNESCO thừa nhận “Tầm quan trọng của di sản văn hóa phi vật thể như là động lực chính của đa dạng văn hóa và là một đảm bảo cho sự phát triển bền vững”, đồng thời còn nhấn mạnh “Các cộng đồng, các nhóm người và trong đó một số trường hợp là các cá nhân bản địa đóng một vai trò hết sức quan trọng trong việc tạo ra, bảo vệ, duy trì và tái sinh di sản văn hóa phi vật thể, làm giàu thêm sự đa dạng văn hóa và tính sáng tạo của con người”⁽⁶⁾.

Trong Tuyên ngôn thế giới về “Đa dạng văn hóa” (Tuyên ngôn 2001), UNESCO khẳng định “Đa dạng văn hóa là một nhân tố phát triển, mang đến nhiều cơ hội lựa chọn hơn cho tất cả mọi người; nó là một trong những căn nguyên của phát triển, được hiểu không chỉ dưới góc độ tăng trưởng kinh tế đơn thuần mà còn được hiểu như một phương tiện đạt được sự tồn tại mãn nguyện hơn về trí tuệ, tình cảm, đạo đức cũng như tinh thần”⁽⁷⁾.

Để bảo tồn và phát huy có hiệu quả các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các tộc người thiểu số, phục vụ yêu cầu phát triển của đất nước, cần nhận thức rõ nội hàm khái niệm “Tính thống nhất trong đa dạng văn hóa” Việt Nam. Văn hóa Việt Nam, có thể hiểu là văn hóa của cộng đồng dân tộc/quốc gia, được thống nhất trên cơ sở đa dạng các sắc thái văn hóa của 54 tộc anh em đã gắn bó qua hàng ngàn năm dựng nước và giữ nước, cùng nhau chung sức một lòng vượt qua nhiều thử thách, khó khăn, gian khổ, thậm chí còn phải hy sinh cả xương máu để bảo vệ vững chắc nền độc lập và tự do cho cả quốc gia dân tộc. Đó là ý thức liên kết cộng đồng, lòng yêu nước, tự hào dân tộc và ý thức bảo vệ nền độc lập tự chủ quốc gia. Từ góc độ lịch sử, từ lâu đời trên lãnh thổ Việt Nam, từ mũi Cà Mau đến địa đầu Móng Cái đã tồn tại 3 nền văn hóa giới

là: Văn hóa Đông Sơn gắn với Đại Việt, văn hóa Sa Huỳnh gắn với Chăm Pa và nền văn hóa Óc Eo gắn với Phù Nam. Đó là những cơ tầng nền tảng cho sự hình thành và phát triển, làm nên sự đa dạng cho văn hóa Việt Nam ngày nay. Từ góc độ nhân học, hiện tại Việt Nam là một quốc gia đa tộc người với 54 tộc anh em cùng chung sống, mỗi tộc người có ngôn ngữ riêng, nhưng điểm chung là các ngôn ngữ đó đều có chung nguồn gốc từ dòng Môn - Khơ Me của ngữ hệ Đông Nam Á.

Đa dạng văn hóa Việt Nam thể hiện rõ trong các không gian văn hóa/ vùng văn hóa với các điều kiện tự nhiên và kinh tế - xã hội không giống nhau, tạo nên những nét đặc trưng văn hóa riêng. Cụ thể là các vùng văn hóa như: Tây Bắc, Việt Bắc, Trung du, Đồng bằng Bắc Bộ, Trung Bộ, Tây Nguyên và Nam Bộ. Đa dạng văn hóa Việt Nam còn được hình thành trên cơ sở sự đan xen và giao thoa giữa các yếu tố văn hóa ở các vùng miền kề cận nhau hoặc đan xen văn hóa giữa các tộc người cùng cộng sinh trong một vùng văn hóa. Khả năng thích ứng rất năng động của cộng đồng 54 tộc anh em với môi trường tự nhiên ở các vùng văn hóa để tạo lập môi trường sinh thái - nhân văn là các không gian cư trú (làng, bản, buôn văn hóa) và với các phương thức canh tác khác nhau: lúa nước, nương rẫy, ruộng bậc thang, thổ canh hốc đá... cũng tạo ra sắc thái riêng trong từng vùng văn hóa.

Tính phong phú, đa dạng văn hóa ở Việt Nam được thể hiện trong mọi khía cạnh của đời sống và ở cả hai phương diện: văn hóa vật thể và văn hóa phi vật thể. Tiêu biểu phải kể đến các yếu tố văn hóa gắn với tín ngưỡng và tôn giáo của đồng bào các tộc người, trong đó phổ biến nhất là tín ngưỡng “vạn vật hữu linh” và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên. Cùng với đó là các hoạt động, các yếu tố văn hóa phi vật thể gắn với tín ngưỡng, tôn giáo như: ngữ văn dân gian, nghệ thuật trình diễn dân gian, phong tục tập quán, tri thức dân gian và nhất là các lễ hội văn hóa truyền thống. Đa dạng văn hóa tộc người cũng rất rõ nét trong các lĩnh vực kiến trúc nhà ở, ẩm thực và trang phục: nhà gạch, nhà đất, nhà sàn, hoặc

ở thuyền trên sông nước; văn hóa ẩm thực (đồ ăn, thức uống, gia vị, cách chế biến), đặc biệt là các mâm cỗ ngày giỗ, tết và lễ hội; y phục và đồ trang sức các tộc người với nhiều kiểu dáng, loại hình và sở thích khác nhau về màu sắc và hoa văn trang trí... Cuối cùng, tính đa dạng văn hóa ở Việt Nam được kết tinh lại và truyền tải qua hệ thống di sản văn hóa (vật thể và phi vật thể) mà đồng bào các tộc người là chủ thể sáng tạo, chủ sở hữu, người duy trì, thực hành, truyền dạy và phát huy trong đời sống xã hội.

Với nhận thức đa dạng văn hóa tộc người là tài sản quý giá và cũng là ưu thế văn hóa nổi trội của Việt Nam, chúng ta đã tham gia và nghiêm chỉnh thực hiện các Công ước có liên quan tới việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa nói chung và đa dạng văn hóa nói riêng. Mục tiêu bảo vệ sự đa dạng văn hóa của đồng bào các tộc người thiểu số là tạo ra sự hòa hợp, khoan dung, đối thoại và hợp tác, mang lại nguồn cổ vũ sáng tạo, tạo nên động lực quan trọng góp phần phát triển kinh tế và tiến bộ xã hội.

Các nghiên cứu về văn hóa và phát triển bền vững do UNESCO tiến hành nhiều năm qua đã khẳng định: Phát triển bền vững là sự kết hợp hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường và phát triển văn hóa. Ở Việt Nam, bảo tồn di sản văn hóa nói chung và bảo vệ di sản văn hóa các tộc người thiểu số nói riêng cũng phải đặt ra mục tiêu gắn kết giữa hai nhiệm vụ: (1) Phát triển kinh tế song song với phát triển văn hóa, và (2) Làm cho văn hóa tham gia tích cực vào việc thực hiện mục tiêu cơ bản của phát triển: “Dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh”. Có nghĩa là, chúng ta cần đổi mới tư duy để bảo vệ và phát huy bền vững di sản văn hóa quý giá của dân tộc theo hướng tạo cơ chế quản lý có hiệu quả làm cho các yếu tố nguyên gốc cấu thành giá trị nổi bật của di sản (lịch sử, văn hóa, khoa học, thẩm mỹ...) thấm sâu vào tất cả các lĩnh vực hoạt động sáng tạo của con người lao động sản xuất, lối sống, giao tiếp, sinh hoạt gia đình và xã hội, quản lý văn hóa, du lịch cũng như giao lưu và hợp tác quốc tế⁽⁸⁾.

4. Khẳng định vai trò và vị thế của di sản văn hóa các tộc người thiểu số và định hướng bảo vệ và phát huy bền vững

4.1. Chúng ta vẫn quen với quan điểm tiếp cận di sản văn hóa từ góc độ “vô giá” về mặt tinh thần mà chưa tìm cách cụ thể hóa các giá trị đó, đồng thời chưa nhận thức toàn diện hay coi nhẹ yếu tố kinh tế học trong di sản, với biểu hiện cụ thể ở ba khía cạnh: Tự thân di sản văn hóa cũng là tài sản vật chất có thể định giá (nguyên vật liệu, công sức lao động sáng tạo của nhiều thế hệ, đất đai/bất động sản gắn với di tích); di sản văn hóa với tư cách nguồn động lực mới cho phát triển; di sản văn hóa là tài nguyên nhân văn quan trọng chiếm tỉ trọng lớn và có tác dụng làm gia tăng giá trị cho sản phẩm du lịch và điểm đến du lịch. Thực tế cho thấy, với việc lượng hóa tương đối chính xác giá trị kinh tế của di sản văn hóa, chúng ta mới có khả năng làm thay đổi nhận thức cho rằng bảo tồn di sản văn hóa là “gánh nặng” cho ngân sách nhà nước.

Vì thế, việc định hướng đúng và đủ giá trị kinh tế trong di sản văn hóa là cơ sở khoa học để Nhà nước, các doanh nghiệp và cộng đồng cư dân địa phương (ở trong và xung quanh các khu di sản) sẵn sàng đầu tư thỏa đáng nguồn kinh phí cần thiết cho việc bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa của đồng bào các tộc người thiểu số.

4.2. Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa để phục vụ cộng đồng và phát triển cộng đồng cần tiếp cận theo hướng: Di sản văn hóa của đồng bào các tộc người thiểu số được bảo tồn và phát huy một cách sống động ngay trong lòng môi trường văn hóa/ sinh thái - nhân văn - nơi di sản được khởi nguồn, duy trì và được vun bồi bởi khả năng sáng tạo không ngừng nghỉ của chính cộng đồng chủ thể văn hóa.

Do đó, sẽ phù hợp với quan điểm mới về phát triển do Tổng giám đốc UNESCO Federico Mayor đưa ra: “Phát triển có ý nghĩa là sự thay đổi, nhưng thay đổi không phải sẽ gây ra sự cách biệt mà nó sẽ tạo ra những đặc tính, đặc trưng của xã hội và cá nhân. Điều đầu tiên và trên hết, sự thay đổi phải mang lại cuộc sống phồn vinh và có chất lượng, được mỗi cộng đồng chấp nhận”.

4.3. Phát triển bền vững là chiến lược phát triển hướng tới việc cùng một lúc/đồng thời giải quyết cân đối và hài hòa tất cả mọi mặt đời sống xã hội hiện tại mà vẫn đảm bảo sự tiếp tục phát triển trong tương lai xa. Phát triển bền vững được hiểu là phương thức dung hòa giữa 4 trụ cột quan trọng của phát triển là kinh tế - xã hội - văn hóa - môi trường. Như thế có nghĩa là văn hóa hay di sản văn hóa cần được nhận thức là một thành tố quan trọng cho phát triển bền vững.

Vì vậy, muốn phát triển văn hóa cộng đồng các tộc người thiểu số thì tất yếu phải thực hiện mục tiêu bảo tồn bền vững di sản văn hóa và sự đa dạng văn hóa cộng đồng các tộc người thiểu số. Cụ thể:

- Bảo tồn bền vững về mặt xã hội theo hướng tạo lập các cơ sở pháp lý, khoa học - kỹ thuật để di sản không bị tách biệt, “khô cứng” hoặc “ngưng đọng” mà phải được tôn trọng và có khả năng tồn tại ngay trong đời sống xã hội, hòa nhập một cách linh hoạt vào không gian văn hóa - xã hội của đồng bào thiểu số. Có như thế, di sản văn hóa mới trở thành bộ phận hữu cơ trong đời sống xã hội, cộng đồng chủ thể và khách thể đều có điều kiện thuận lợi nhất tiếp cận và hưởng thụ các giá trị di sản văn hóa và quay trở lại đầu tư cho phát huy di sản văn hóa.

- Bảo tồn bền vững di sản văn hóa về mặt kinh tế: Văn hóa nói chung, và di sản văn hóa nói riêng là sức mạnh nội sinh quan trọng bảo đảm sự phát triển bền vững của đất nước. Vì thế, bảo vệ và phát triển như hai hoạt động có tính tương hỗ để di sản văn hóa trở thành mục tiêu và động lực cho phát triển, phát huy. Khai thác giá trị di sản văn hóa có hiệu quả về mặt kinh tế sẽ tạo ra nguồn lực vật chất để tăng cường khả năng đầu tư trở lại nhằm bảo vệ di sản văn hóa.

- Bảo tồn bền vững di sản văn hóa về mặt môi trường đặt ra yêu cầu bảo tồn di sản văn hóa phải gắn với bảo tồn cảnh quan thiên nhiên, di sản văn hóa phải trở thành bộ phận hữu cơ trong môi trường thiên nhiên, nghĩa là duy trì một hợp thể bền chặt và hài hòa giữa hai thành phần tự nhiên và nhân tạo trong lòng một di sản. Mặt khác, phải tận dụng ưu thế từ môi trường thiên

nhiên làm gia tăng các giá trị và sức hấp dẫn cho di sản văn hóa.

Để có những bước đi và các phương thức hoạt động phù hợp nhằm phát huy nguồn lực di sản văn hóa cộng đồng các tộc người thiểu số trong phát triển bền vững, cần nhìn nhận về di sản văn hóa các tộc người là bộ phận quan trọng cấu thành môi trường sống của các tộc người - yếu tố cơ bản làm nên bản sắc văn hóa; là tài nguyên văn - bộ phận hợp thành nền tảng tinh thần của toàn xã hội; đồng thời là nguồn lực phát triển kinh tế của đất nước. Bảo vệ và phát huy bền vững giá trị di sản văn hóa các tộc người thiểu số là tạo lập các cơ chế quản lý có hiệu quả, làm cho các yếu tố nguyên gốc cấu thành giá trị di sản văn hóa thấm sâu vào các lĩnh vực hoạt động sáng tạo của con người: văn hóa sản xuất, văn hóa quản lý, văn hóa lối sống, giao tiếp, sinh hoạt gia đình - xã hội, văn hóa trong giao lưu và hợp tác quốc tế. Có như thế, bảo vệ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống của đồng bào các tộc người thiểu số mới thực sự góp phần khẳng định và tôn vinh tính thống nhất trong đa dạng văn hóa - nét đặc trưng và là tài sản văn hóa quý giá của cộng đồng dân tộc Việt Nam./.

Chú thích

- (1) Theo kết quả Tổng Điều tra dân số và nhà ở năm 2019, tính đến 0 giờ ngày 01/4/2019.
- (2) Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
- (3) Công ước 2003 về bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO.
- (4) Nhiều di sản văn hóa phi vật thể trong Danh mục quốc gia như: Lượn Sluong, Nghi lễ then của người Tày; Lễ hội năm mới của người Giáy; Tết Khu Cù Tè của người La Chi; Nghề dệt thổ cẩm, Múa Tung tung yá yá của người Cơ Tu; Nghi lễ dựng cây Nêu và bộ Gu của người Co; Nghệ thuật sân khấu Dù Kê, Lễ hội Ok Om Bok của người Khmer; Nghi lễ cấp sắc của người Dao, Múa Tắc Xình của người Sán Chay; Nghệ thuật trang trí hoa văn trên trang phục của người Xá Phó; Tết Sừ giẻ pà của người Bô Y, Lễ hội Khô già già của người Hà Nhì đen,... được đánh giá là những di sản có ý nghĩa thiết thực trong sinh hoạt văn hóa, tín ngưỡng của đồng bào các dân tộc.
- (5) Công ước “Bảo tồn và phát huy sự đa dạng của các

biểu đạt văn hóa” đã được UNESCO thông qua trong kì họp lần thứ 13 từ ngày 3 đến ngày 21 tháng 10 năm 2003 tại Paris.

(6) Công ước về “Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể được UNESCO thông qua trong kì họp lần thứ 32 từ ngày 29 tháng 9 đến ngày 27 tháng 10 năm 2003 tại Paris.

(7) Tuyên ngôn thế giới về “Đa dạng văn hóa” được UNESCO thông qua trong phiên họp toàn thể, kì họp lần thứ 31 ngày 2 tháng 11 năm 2001 tại Paris.

(8) Đặng Văn Bài (2009), “Bảo tồn bền vững di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch có trách nhiệm ở Nghệ An”, Tài liệu Hội thảo khoa học *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An*, Tp. Vinh, tháng 5 năm 2009.

Tài liệu tham khảo

1. Công ước 2003 về Bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể của UNESCO.
2. Công ước 2005 về Bảo tồn và phát huy sự đa dạng của các biểu đạt văn hóa của UNESCO
3. Tuyên ngôn thế giới năm 2001 về Đa dạng văn hóa của UNESCO.
4. Nghị quyết Hội nghị lần thứ 9 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI (Nghị quyết số 33-NQ/TW) về xây dựng và phát triển văn hóa, con người Việt Nam đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững đất nước.
5. Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 12/3/2003, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá IX) về công tác dân tộc.
6. Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.
7. Nghị quyết số 12/NQ-CP ngày 15 tháng 02 năm 2020 của Chính phủ triển khai thực hiện Nghị quyết số 88/2019/QH14 ngày 18 tháng 11 năm 2019 của Quốc hội về phê duyệt Đề án tổng thể phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030.
8. Nghị định số 05/2011/NĐ-CP ngày 14 tháng 01 năm 2011 của Chính phủ về Công tác dân tộc.
9. Báo cáo công tác 9 tháng 2020, Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
10. Báo cáo công tác 2019, Vụ Văn hóa dân tộc, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
11. Danh mục Di sản văn hóa phi vật thể quốc gia, Cục Di sản văn hóa, Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch.
12. Đặng Văn Bài (2009), “Bảo tồn bền vững di sản văn hóa gắn với phát triển du lịch có trách nhiệm ở Nghệ An”, Tài liệu Hội thảo khoa học *Bảo tồn, phát huy giá trị di sản văn hóa gắn với phát triển kinh tế di sản tỉnh Nghệ An*, Tp. Vinh, tháng 5 năm 2009.

TS. NGUYỄN THỊ THU TRANG
Cục Di sản Văn hóa
Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch